

# Truyền Thống Dân Tộc Việt Nam

Dân tộc nào cũng có những truyền thống riêng của dân tộc đó. Chính những truyền thống đã phân biệt dân tộc này và dân tộc khác. Người Việt Nam đã lập quốc trên 4000 năm, có một nền văn hóa cao, lâu đời, cho nên cũng có những truyền thống lâu đời. Truyền thống là việc làm, hay tinh thần lập đi lập lại truyền đến nhiều đời vẫn không dứt.

## I – Truyền thống yêu nước

Lịch sử Việt Nam là một lịch sử chiến tranh triền miên. Về địa lý, Việt tộc ngày xưa là một vùng đất rộng lớn nằm từ phía nam núi Ngũ Lĩnh, sông Dương Tử xuống tới tận bình nguyên sông Hồng Hà và sông Thái Bình, tức là hơn nửa nước Tàu bây giờ.

Đây là thời kỳ rất bộ tộc Việt sống chung với nhau, mà sử sách gọi là Bách Việt. Dân Bách Việt sống bằng nghề nông. Người Bách Việt được gọi là Việt tộc phương nam, sống hiền hòa, khác với Hán tộc phương bắc, sống trên lưng ngựa, hiếu chiến. Dần dần, Bách Việt bị Hán tộc thôn tính, chỉ còn sót lại Việt tộc ở bình nguyên sông Hồng. Dĩ nhiên, Hán tộc không ngưng tham vọng của họ ở đó. Họ muốn diệt luôn dòng Việt cuối cùng này. Việt tộc vừa phải chiến đấu để giữ lại vùng đất đứng chân cuối cùng, vừa phải mở mang cho vùng đất rộng thêm, đáp ứng với sự gia tăng của dân số.

Vì đó là lịch sử Việt Nam là lịch sử chiến tranh.

Từ ý niệm giữ lấy vùng đất cuối cùng để bảo tồn nòi giống, người Việt rất yêu đất nước. Tinh thần yêu nước đã được nhìn thấy qua biết bao cuộc khởi nghĩa dưới 1000 năm Bắc thuộc. Từ hai bà Trưng, bà Triệu, đến Bồ Cái Đại Vương Phùng Hưng, Mai Hắc Đế, xuống tới Ngô Vương Quyền, tất cả các cuộc khởi nghĩa đều phát sinh từ lòng yêu nước. Cuộc khởi nghĩa của Bình Định Vương Lê Lợi, hàng trăm, có thể nói là hàng ngàn cuộc khởi nghĩa thời Pháp thuộc, phần lớn đều phát xuất từ lòng yêu nước.

Câu “giặc tới nhà đàn bà phải đánh”, nói lên lòng yêu nước thâm sâu này. Ngày nay, những người cộng sản kiêu hãnh cho rằng ngày trước, người Việt Nam chỉ biết trung thành với vua, chứ không biết yêu nước, chủ nghĩa yêu nước chỉ có tại Việt Nam kể từ khi có đảng cộng sản. Đây là một quan niệm hết sức sai lầm.

Trước hết, yêu nước, đối với người Việt Nam không phải là một chủ nghĩa, mà là một truyền thống ngàn đời.

Thứ hai, người Việt Nam đánh giặc vì muốn gìn giữ đất nước, muốn mở mang lãnh thổ, chứ không phải vì muốn bảo vệ ngai vàng của một ông vua. Bà Trưng, bà Triệu hay Lê Lợi không có một ông vua nào để trung thành hết.

Tinh thần này thấy rõ trong bài hịch kêu gọi đánh Tây của ông tú tài Nguyễn Đình Chiểu:

“Bớ các làng ơi,  
Chớ thấy chín tầng hòa nghị mà tấm lòng địch khái nở phôi pha;  
Chớ rằng ba tỉnh trọn vong mà cái việc cừ thù đành gạt bỏ”

Vua Tự Đức đã hòa với Pháp rồi, mà cụ Đồ Chiểu còn kêu dân đánh giặc, thì rõ ràng đâu có phải vì trung thành với một ông vua. Vì yêu nước nên tất cả toàn dân, từ đồng bằng lên tới thượng du đã hăng hái tham gia cuộc kháng chiến chống quân Nguyên do các vua quan nhà Trần lãnh đạo. Mỗi làng thành ra một pháo đài. Tài sản ai mà không quý, thóc lúa hoa lợi, ai mà không quý, vậy mà người Việt Nam thời đó đã đốt bỏ hết, tạo ra cảnh vườn không nhà trống, rồi trốn vào rừng, mỗi khi giặc dữ đi qua. Nguyên trong ba cuộc xâm lăng của nhà Nguyên chỉ có hai làng đầu giặc thôi.

Như vậy mới biết lòng yêu nước của Việt tộc cao cả tới cỡ nào. Yêu nước, đối với người Việt Nam là truyền thống, cho nên tất cả các cuộc xâm lăng đều bị chặn đứng, hoặc đánh tan.

Cứ nhìn các nước xung quanh Trung Hoa trước kia thì thì biết. Nào là Đại Liêu, Tây Hạ, Đại Lý, Bắc Địch vv... bây giờ có nước nào còn đâu, chỉ còn một mảnh đất con con hình cong chữ S nằm bên nằm bên ven Thái Bình Dương, là Việt Nam.

Nếu không có truyền thống yêu nước, người Việt Nam đã không giữ như vậy.

## II- Truyền thống bất khuất

Bất khuất là không chịu khuất phục.

Hồi thời nhà Triệu, nước ta là Nam Việt. Nhà Hán cử Lục Giả qua dụ hàng, khi về lại triều đình, Lục Giả đã đưa ra nhận xét:

Giống dân Việt ấy không thể khuất phục được.

Tinh thần bất khuất của dân Việt Nam được nhìn thấy qua câu của Bà Triệu:

Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá tròng kình ở bể đông, quét sạch cỡi bờ, cứu muôn dân ra khỏi cơn đắm đuối, chớ không bắt chước người đời, cúi đầu khom lưng làm tì thiếp người ta.

Tinh thần bất khuất cũng được nhìn thấy qua câu tuyên bố của Lê Lợi, Bình Định Vương:

Làm trai sinh ở trên đời, cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chớ sao chịu bo bo làm đầy tớ người.

Tinh thần bất khuất của người Việt còn thấy ở khắp nhân gian qua việc vạt áo cài luôn bên phía trái, gọi là tả nhậm, ngược lại với người Tàu vạt áo cài bên phía phải, gọi là hữu nhậm.

Người Việt Nam phát biểu vòng ngũ hành theo chiều nghịch, theo lẽ tương khắc (kim, mộc, thổ, thủy, hỏa), người Tàu phát biểu theo chiều thuận, theo lẽ tương sinh (kim, thủy, mộc, hỏa, thổ). Trong triết lý cao siêu nhất của đông phương là dịch lý, người Việt lấy quẻ Khôn (đất) làm quẻ chính, trong khi người Tàu lấy quẻ Càn (trời) làm quẻ chính...

Tinh thần bất khuất đó cũng ăn sâu vào lòng mỗi người dân Việt, để trở thành truyền thống muôn đời. Bởi vậy, khi người Việt bị các giống dân khác đô hộ, nếu mình yếu thế thì tinh thần bất khuất biểu lộ bằng lời nói, bằng sự châm chọc, bằng những mẩu chuyện tiểu lâm. Đến khi mình mạnh thì vùng lên giết giặc...

### III- Truyền thống tự chủ:

Tự chủ là tự dân tộc mình làm chủ đất nước của mình.

Tinh thần tự chủ của Việt tộc biểu lộ qua bài thơ của Lý Thường Kiệt đời nhà Lý:

Nam quốc sơn hà Nam Đế cư  
Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Được dịch:

Nước Nam vốn thuộc vua Nam ở  
Rành rành định phận bởi sách trời  
Cớ sao lũ giặc bay xâm phạm  
Lũ bay rồi chết hết cho coi.

Trong bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, tinh thần tự chủ cũng được nhắc lại trong đoạn mở đầu:

Như nước Việt ta thuở trước  
Vốn xưng văn hiến đã lâu  
Sơn hà cương vực đã chia  
Phong tục bắc nam cũng khác  
Từ Đinh Lê Lý Trần độc lập  
Cùng Hán Đường Tống Nguyên hùng cứ một phương  
Dẫu cường nhược có lúc khác nhau  
Song hào kiệt đời nào cũng có

Tinh thần tự chủ lên cao độ trong bài hịch đánh quân Thanh của Quang Trung Hoàng đế Nguyễn Huệ:

Đánh cho đứt dãi tóc  
Đánh cho đứt răng đen  
Đánh cho nó chích luân bất phản  
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn  
Đánh cho nó sở tri Nam quốc anh hùng duy hữu chủ

Tinh thần tự chủ của Việt tộc cao đến như vậy. Nhờ vào tinh thần này, người Việt trên đất Việt ngày nay còn giữ được tiếng nói, trong khi các giống Việt khác trong dòng Bách Việt, như Diên Việt ở Vân Nam, Mân Việt ở Phúc Kiến, Việt Đông ở Thượng Hải, Đông Việt ở Quảng Đông, Quảng Tây, đều mất hết tiếng nói.

Độc lịch sử, chúng ta thấy có rất nhiều giai đoạn nước Việt phải xưng thần, phải triều cống, phải nhận sắc phong của nước Tàu. Đây không phải là sự mất tự chủ, mà là một phương cách ngoại giao khéo léo để giữ nước. Trong các giai đoạn đó, người Việt vẫn làm chủ nước Việt, chứ không để mất nền tự chủ.

Tinh thần tự chủ, truyền từ đời nọ đến đời kia, trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Ba truyền thống yêu nước, bất khuất và tự chủ có liên hệ tương quan với nhau, xen kẽ nhau, không có rời, đúc kết lại như là một ý chí sắc đá của dân tộc, nhờ vậy mà dân tộc, nhờ vậy mà đất nước chúng ta còn hoài.

#### IV- Truyền thống hiếu học:

Một bà mẹ Việt Nam đã khuyên con:

Con ơi, nghe lấy lời này  
Muôn khôn thì phải tìm thầy học khôn  
Sao cho nghĩa trả ơn đền  
Để yên việc nước kéo phiến mẹ cha  
Làm trai vì nước quên nhà  
Nước kia có vẹn thì nhà mới yên  
Nhớ câu tạo thế anh hùng  
Văn minh hai chữ độ cùng năm châu  
Lòng mẹ luống những âu sầu  
Sầu vì một nỗi bấy lâu ngu hèn  
Mẹ có tham, mẹ chẳng tham tiền  
Tham vì một nỗi đua chen với đời  
Khuyên con có bấy nhiêu lời...

Dân tộc Việt Nam có một tinh thần hiếu học rất cao. Và, bài ca dao trên đây đã cho thấy tinh thần hiếu học và mục đích của sự học. Muốn khôn thì phải học và học để phục vụ đất nước.

Việt Nam cho tới cuối thời Pháp thuộc vẫn theo chế độ quân chủ, nhưng việc tuyển chọn những người tài năng, đạo đức để ra làm việc nước, hoàn toàn theo tinh thần dân chủ. Kể từ thời nhà Trần, bắt đầu có tổ chức những khoa thi. Từ những khoa thi này, mọi người dân đều có cơ hội tham gia việc nước, miễn là có đủ tư cách và đức độ để cho làng xã chứng nhận cho đi thi và đủ tài năng để thi đậu. Con đường thi cử không phải là con đường duy nhất để cho người dân tiến thân, ra giúp nước, cứu đời, nhưng là một con đường rất quan trọng.

Xã hội Việt Nam không có giai cấp, chỉ có bậc thang giá trị. Trong bậc thang giá trị này, người có học được xếp hàng đầu; Sĩ, Nông, Công, Thương. Trong tổ chức làng xã, người có học được nhiều quyền lợi ưu tiên như được miễn tạp dịch có tính cách lao động, được tham dự vào ban tế lễ, tế nhất cũng là lễ sinh hay còn gọi là học trò lễ...

Người có học mà thi đậu, được cờ quạt, võng lọng, chiêng trống đón rước về làng, không những tự bản thân được vinh dự, mà còn đem vinh dự về cho ông bà, cha mẹ, và cả cho họ hàng làng nước.

Đó là những lý do tạo nên tinh thần hiếu học cho con người Việt Nam.

Hiếu học không phải chỉ để được vinh thân phì gia. Hiếu học là để có cơ hội tham gia vào việc nước. Người có học được gọi là Sĩ. Chữ Sĩ (viết theo Hán tự) được diễn tả như một người đứng bằng chân trên mặt đất, đầu đội trời, dang rộng hai tay, gánh vác việc nước, việc đời.

Học, thi đậu, làm quan hay không làm quan, mà không giúp được gì cho nước thì chưa đạt được mục đích của sự học. “Làm trai vì nước quên nhà, nước kia có vẹn thì nhà mới yên.” Bà mẹ Việt Nam, thấm nhuần đạo sống của dân tộc Việt Nam, đã dạy cho con như vậy.

Tinh thần hiếu học của người Việt Nam đã biến thành truyền thống. Và truyền thống này vẫn còn tiếp nối ở trong nước, cũng như tại hải ngoại.

Mặc dù thiếu thốn phương tiện, trẻ em, thanh niên Việt Nam, phần lớn đều ham học. Các bậc cha mẹ vẫn muốn cho con học hành đàng hoàng. Có nhiều cha mẹ không xấu hổ vì nghèo, mà xấu hổ vì con cái học hành thua kém con cái cho người khác. Chỉ tiếc rằng chế độ cộng sản không tạo đủ những điều kiện để thỏa mãn tinh thần hiếu học cho tầng lớp trẻ và nhất là không tạo được điều kiện để cho những người có học góp phần xây dựng xã hội một cách xứng đáng.

Ở hải ngoại, con số sinh viên, học sinh tốt nghiệp hàng năm vẫn là niềm tự hào của các cộng đồng người Việt. Học sinh Việt Nam chẳng những học giỏi mà còn lễ độ với giáo chức, giữ trật tự trong lớp học.

Truyền thống hiếu học còn được giữ tới ngày nay. Vấn đề còn lại là học để làm gì, tức là mục đích của sự học.

#### V- Tạm kết luận:

Truyền thống của Việt tộc còn nhiều, chứ không phải chỉ có bấy nhiêu. Nhưng, trong phạm vi ngắn ngủi của khóa học, chúng ta chỉ tạm tìm hiểu chừng đó.

Chúng ta thấy rằng, những truyền thống tạm tìm hiểu đó có tầm quan trọng đối với người Việt Nam như thế nào. Những truyền thống này là những yếu tố căn bản của nền văn hóa Việt Nam.

“Mất nước chưa phải là mất. Mất văn hóa mới là thật mất”. Một nhà tư tưởng Âu châu đã nói như vậy.

Trong một cuộc tương tranh giữa hai dân tộc, dân tộc nào có văn hóa cao, dân tộc đó sẽ thắng. Người Việt đã không bị đồng hóa bởi người Tàu, người Pháp, vẫn còn nói tiếng Việt, vẫn giữ vững đất nước trước các tham vọng của ngoại bang. Điều này đã nói lên rằng nền văn hóa dân tộc, tạo dựng trên đạo sống và các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có một giá trị tuyệt vời...

